

HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC IRELAND VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland;

Mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường đầu tư của các công dân và Công ty thuộc quốc gia này trên lãnh thổ quốc gia kia;

Nhận thấy rằng, việc khuyến khích và bảo hộ có đi có lại những hoạt động đầu tư như vậy trên cơ sở thoả thuận quốc tế sẽ có lợi cho việc khuyến khích sáng kiến kinh doanh cá nhân và làm tăng sự thịnh vượng ở cả hai quốc gia;

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Các định nghĩa

Theo Hiệp định này:

a) "Đầu tư" nghĩa là mọi loại tài sản, cụ thể, nhưng không chỉ bao gồm:

- i) Động sản, bất động sản và các quyền tài sản khác như thế chấp, thế nợ hoặc cầm cố;
- ii) Cổ phần, cổ phiếu, giấy nhận nợ của Công ty và bất kỳ hình thức hay sự tham gia nào khác trong Công ty;
- iii) Quyền đòi tiền hoặc quyền yêu cầu đối với bất kỳ sự thực hiện nào theo hợp đồng có giá trị tài chính;
- iv) Các quyền sở hữu trí tuệ, uy tín kinh doanh, quy trình và bí quyết kỹ thuật;
- v) Tô nhượng kinh doanh theo luật định hoặc theo hợp đồng, kể cả các tô nhượng về tìm kiếm, nuôi trồng, chiết xuất hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Mọi thay đổi về hình thức tài sản đã đầu tư không ảnh hưởng đến đặc tính của chúng như là các khoản đầu tư và thuật ngữ "đầu tư" bao gồm tất cả các khoản đầu tư cho dù được thực hiện trước hoặc sau ngày Hiệp định này có hiệu lực;

b) "Thu nhập" nghĩa là những khoản tiền thu được từ đầu tư, cụ thể, nhưng không chỉ bao gồm lợi nhuận, lãi, các khoản thu từ vốn, cổ tức, tiền bản quyền và phí;

c) "Công dân" nghĩa là:

- i) Về phía Vương quốc Anh và Bắc Ireland: thể nhân có tư cách là công dân Vương quốc Anh và Bắc Ireland theo luật có hiệu lực ở Vương quốc Anh và Bắc Ireland;
 - ii) Về phía Việt Nam: bất cứ người nào là công dân của Việt Nam theo luật pháp Việt Nam;
- d) "Công ty" nghĩa là:

i) Về phía Vương quốc Anh và Bắc Ireland: các Công ty, các hãng và hiệp hội được thành lập hay được thiết lập theo luật pháp có hiệu lực ở bất cứ vùng nào ở Vương quốc Anh và Bắc

Ireland hoặc ở bất cứ vùng lãnh thổ nào mà Hiệp định này mở rộng tới theo các quy định của Điều 12.

ii) Về phía Việt Nam: bất cứ pháp nhân nào bao gồm Công ty, Tổng công ty, hãng và hiệp hội được thành lập hay được thiết lập theo luật pháp Việt Nam và có trụ sở ở Việt Nam;

e) "Lãnh thổ" nghĩa là:

i) Về phía Vương quốc Anh và Bắc Ireland: bao gồm Anh, xứ Wales, Scotland và Bắc Ireland, kể cả vùng lãnh hải và bất cứ vùng biển nào nằm ngoài lãnh hải của Vương quốc Anh và Bắc Ireland mà đã hoặc trong tương lai sẽ được xác định theo luật quốc gia của Vương quốc Anh và Bắc Ireland IRELAND phù hợp với luật quốc tế, là một vùng mà trong đó Vương quốc Anh và Bắc Ireland có thể thực hiện các quyền đối với đáy biển, dưới đáy biển và tài nguyên thiên nhiên và bất cứ lãnh thổ nào mà hiệp định này mở rộng tới theo các quy định của Điều 12.

ii) Về phía Việt Nam: toàn bộ lãnh thổ, kể cả vùng lãnh hải hoặc các hải đảo nơi Việt Nam có quyền chủ quyền hay quyền tài phán theo luật pháp quốc tế.

Điều 2

Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

1) Mỗi bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các công dân hoặc Công ty thuộc bên ký kết kia đầu tư vốn trên lãnh thổ của mình, và sẽ tiếp nhận vốn đầu tư đó phù hợp với thẩm quyền do pháp luật của Bên đó quy định.

2) Các khoản đầu tư của công dân hoặc Công ty thuộc mỗi Bên ký kết sẽ được đối xử công bằng và thoả đáng trong suốt thời gian đầu tư và được hưởng sự bảo hộ đầy đủ, an toàn trên lãnh thổ bên ký kết kia. Không bên ký kết nào trong bất cứ trường hợp nào, thông qua các biện pháp phân biệt đối xử hoặc bất hợp lý là phương hại tới việc quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư của công dân hay Công ty thuộc Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình. Mỗi Bên ký kết sẽ tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào mà Bên đó có thể đã thoả thuận liên quan đến các khoản đầu tư của công dân hoặc Công ty thuộc Bên ký kết kia.

Điều 3

Những quy định về đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc

1) Không Bên ký kết nào trên lãnh thổ của mình sẽ đối xử đối với các khoản đầu tư hoặc thu nhập của các công dân hay Công ty thuộc Bên ký kết kia kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho các công dân hay công ty của mình hoặc các công dân hay Công ty của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

2) Không Bên ký kết nào trên lãnh thổ của mình sẽ đối xử đối với công dân hay Công ty thuộc Bên ký kết kia kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho công dân hay Công ty của mình hoặc công dân hay có thẩm quyền của bất kỳ quốc gia thứ ba nào trong việc quản lý, duy trì, sử dụng, thừa hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư của họ.

3) Cho dù có các quy định tại đoạn 1 và 2 của điều này, Chính phủ Việt Nam vẫn có thể duy trì hiệu lực đối với các biện pháp được pháp luật Việt Nam quy định vào ngày Hiệp định này được ký kết, và được liệt kê trong Phụ lục của Hiệp định này như là những ngoại lệ đối với việc áp dụng sự đối xử không kém thuận lợi hơn đối xử dành cho các công ty hoặc công dân của mình. Chính phủ Việt Nam có thể xoá bỏ bất kỳ ngoại lệ nào như vậy được liệt kê trong Phụ lục của Hiệp định này bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chính phủ Vương quốc Anh và Bắc

Ireland. Và theo đó, bất kỳ thông báo bằng văn bản nào như vậy của Chính phủ Việt Nam sẽ có hiệu lực sửa đổi Phụ lục của Hiệp định này ngay lập tức.

Điều 4

Bồi thường thiệt hại

1) Các khoản đầu tư của các công dân hoặc Công ty thuộc Bên ký kết này trên lãnh thổ Bên ký kết kia bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi loạn, khởi nghĩa hoặc bạo loạn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được Bên ký kết kia áp dụng sự đối xử có liên quan đến việc hoàn trả, đền bù, bồi thường hoặc giải pháp khác không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết kia dành cho các công dân hay Công ty của bất kỳ quốc gia thứ ba nào. Những khoản thanh toán từ những việc như vậy sẽ được dịch chuyển tự do.

2) Không ảnh hưởng đến đoạn 1 của điều này, các công dân và Công ty của một bên ký kết trong bất cứ trường hợp nào được nêu trong đoạn 1 bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do:

a) Các lực lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó trưng thu tài sản, hoặc

b) Các lực lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết đó phá huỷ tài sản mà không phải là do hành động chiến đấu hoặc không phải là do tính thiết yếu của tình hình, thì phải được hoàn trả hoặc đền bù một cách thoả đáng. Các khoản thanh toán từ những việc như vậy sẽ được dịch chuyển tự do.

Điều 5

Trung dụng

1) Các khoản đầu tư của các công dân hay Công ty thuộc mỗi Bên ký kết sẽ không bị quốc hữu hoá, trưng dụng hoặc phải tuân thủ các biện pháp có tác dụng tương tự như quốc hữu hoá hay trưng dụng (sau đây gọi là "trưng dụng") trên lãnh thổ Bên ký kết kia trừ trường hợp vì mục đích công cộng liên quan đến những nhu cầu trong nước của Bên ký kết đó, trên cơ sở không phân biệt đối xử và phải được bồi thường có hiệu quả, thoả đáng và nhanh chóng. Khoản bồi thường như vậy phải bằng giá trị thực của khoản đầu tư bị trưng dụng ngay trước khi bị trưng dụng hoặc trước khi nguy cơ bị trưng dụng trở nên công khai, tuy trường hợp nào xảy ra trước, các khoản bồi thường như vậy cũng bao gồm cả lãi suất tính theo lãi suất thương mại thông thường cho tới ngày thanh toán và được thực hiện không chậm trễ, các khoản bồi thường như vậy cũng được thực thi một cách hiệu quả và được tự do dịch chuyển. Công dân hay công ty bị ảnh hưởng bởi việc trưng dụng có quyền, theo luật pháp của Bên ký kết đã thực hiện việc trưng dụng, yêu cầu một cơ quan tài phán hoặc cơ quan có thẩm quyền độc lập khác của bên đó nhanh chóng xem xét lại trường hợp của mình và việc xác định giá trị khoản đầu tư của công dân hay công ty đó phù hợp với các nguyên tắc quy định trong đoạn này.

2) Trường hợp một Bên ký kết trưng dụng tài sản của một Công ty được thành lập hay thiết lập theo luật pháp có hiệu lực ở bất cứ vùng nào thuộc lãnh thổ của mình mà trong đó các công dân hay Công ty thuộc Bên ký kết kia sở hữu cổ phần, thì Bên ký kết tiến hành trưng dụng trong chừng mực cần thiết để bảo đảm cho việc đền bù nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả đối với khoản đầu tư của các công dân hay công ty này, sẽ đảm bảo rằng các quy định của đoạn 1 của điều này phải được áp dụng đối với các công dân hay Công ty của Bên ký kết kia là chủ sở hữu của những cổ phần đó.

Điều 6

Chuyển vốn đầu tư và thu nhập về nước

Mỗi Bên ký kết phải bảo đảm để các công dân hay Công ty thuộc Bên ký kết kia được chuyển không hạn chế về nước khoản đầu tư và thu nhập của mình. Việc chuyển đó được thực hiện không chậm trễ bằng đồng tiền có thể chuyển đổi đã được đầu tư ban đầu hoặc bằng bất cứ đồng tiền có thể chuyển đổi nào khác do nhà đầu tư và Bên ký kết có liên quan thoả thuận. Trừ khi có thoả thuận khác của nhà đầu tư, việc chuyển đó sẽ được thực hiện theo tỷ giá hối đoái áp dụng vào ngày chuyển theo các quy định về quản lý ngoại hối có hiệu lực.

Điều 7

Các ngoại lệ

Các quy định của Hiệp định này liên quan đến việc áp dụng sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các công dân hay công ty thuộc một Bên ký kết hoặc của bất kỳ quốc gia thứ ba nào sẽ không bắt buộc Bên ký kết đó phải dành cho các công dân hay Công ty thuộc Bên ký kết kia lợi ích từ bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào có được từ:

- a) Bất kỳ liên minh thuế quan hiện tại hoặc tương lai hoặc hiệp định quốc tế tương tự mà một trong hai Bên ký kết tham gia hoặc có thể trở thành một bên tham gia; hoặc
- b) Bất kỳ hiệp định hoặc thoả thuận quốc tế nào hoàn toàn hoặc chủ yếu liên quan đến thuế hoặc bất kỳ văn bản pháp quy trong nước nào hoàn toàn hoặc chủ yếu liên quan đến thuế.

Điều 8

Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia tiếp nhận đầu tư

1) Các tranh chấp giữa công dân hoặc Công ty thuộc một Bên ký kết và Bên ký kết kia về nghĩa vụ của Bên ký kết kia theo hiệp định này liên quan đến khoản đầu tư của công dân hoặc có thẩm quyền thuộc bên thứ nhất đã không được giải quyết thông qua thương lượng hoà giải, thì sau ba tháng kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản về việc khiếu nại, phải được trình lên cơ quan trọng tài quốc tế nếu một trong hai bên trong tranh chấp mong muốn như vậy.

2) Trường hợp tranh chấp được đưa ra cơ quan trọng tài quốc tế, thì công dân hay Công ty và Bên ký kết có liên quan trong vụ tranh chấp có thể thoả thuận đưa tranh chấp đó ra:

a) Hoặc trung tâm quốc tế về giải quyết các tranh chấp đầu tư (trường hợp có thể áp dụng theo các quy định của Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Nhà nước và công dân của nhà nước khác, đã đề nghị để ký kết tại Washington DC vào ngày 18/3/1965, trong trường hợp Việt Nam trở thành thành viên Công ước này, và Cơ chế phụ trợ của Trung tâm về quản lý hoà giải, trọng tài và thủ tục xác minh sự thực);

b) Hoặc một trọng tài viên quốc tế hoặc Hội đồng trọng tài ad hoc;

i) Theo một thoả thuận giữa các bên trong tranh chấp; hoặc

ii) Được thiết lập theo các Quy tắc trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật thương mại quốc tế.

3) Nếu sau một thời gian hoặc sau ba tháng kể từ khi có thông báo bằng văn bản về việc khiếu nại mà không đạt được một thoả thuận về một trong các thủ tục lựa chọn nêu trên, các bên trong tranh chấp buộc phải đưa tranh chấp đó ra trọng tài giải quyết theo các Quy tắc trọng tài của Ủy ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế có hiệu lực tại thời điểm đó. Các bên trong tranh chấp có thể thoả thuận bằng văn bản việc sửa đổi các Quy tắc này.

4) Hội đồng trọng tài được thiết lập theo đoạn 2 và 3 ở trên sẽ ra quyết định phù hợp với luật pháp trong nước của Bên ký kết nơi khoản đầu tư đang có tranh chấp được thực hiện (bao gồm các quy tắc về xung đột pháp luật) và các quy tắc của luật pháp quốc tế (kể cả Hiệp định này) nếu có thể áp dụng.

Điều 9

Tranh chấp giữa các Bên ký kết

- 1) Các tranh chấp giữa các Bên ký kết về giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu có thể, sẽ được giải quyết thông qua đường ngoại giao.
- 2) Trường hợp tranh chấp giữa các Bên ký kết không thể giải quyết được như vậy, thì tranh chấp đó phải được đưa ra một Hội đồng trọng tài theo yêu cầu của một trong hai Bên ký kết.
- 3) Hội đồng trọng tài nói trên được thiết lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách thức sau đây. Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được yêu cầu xét xử bằng trọng tài, từng Bên ký kết phải chỉ định một trọng tài viên. Hai thành viên này sau đó sẽ chọn một công dân của quốc gia thứ ba, người sẽ được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng trọng tài với sự chấp thuận của hai Bên ký kết. Chủ tịch được chỉ định trong vòng hai tháng kể từ ngày chỉ định hai thành viên kia.
- 4) Nếu trong thời hạn quy định tại đoạn 3 của điều này mà các chỉ định cần thiết không được thực hiện và trong trường hợp không có thoả thuận khác, thì một trong hai Bên ký kết có thể mời Chủ tịch toà án tư pháp quốc tế thực hiện những chỉ định cần thiết đó. Nếu Chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc bị ngăn cản thực hiện việc chỉ định nói trên, thì Phó chủ tịch sẽ được mời để thực hiện những chỉ định cần thiết đó. Nếu Phó Chủ tịch là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc cũng bị ngăn cản thực hiện việc chỉ định nói trên, thì thành viên của Toà án tư pháp quốc tế có cấp cao tiếp theo mà không phải là công dân của một trong hai bên ký kết sẽ được mời để thực hiện những chỉ định đó.
- 5) Hội đồng trọng tài sẽ ra quyết định theo biểu quyết đa số. Quyết định đó sẽ ràng buộc cả hai Bên ký kết. Từng Bên ký kết sẽ phải chịu chi phí cho trọng tài viên và đại diện của mình trong quá trình tố tụng trọng tài; chi phí của Chủ tịch và chi phí còn lại sẽ được chia thành các phần bằng nhau cho các Bên ký kết. Tuy nhiên, trong quyết định của mình, Hội đồng trọng tài có thể quyết định rằng phần chi phí lớn hơn sẽ do một trong hai Bên ký kết chịu và quyết định này sẽ ràng buộc cả hai Bên ký kết. Hội đồng trọng tài sẽ quyết định thủ tục riêng của mình.

Điều 10

Thế quyền

- 1) Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được Bên ký kết đó chỉ định ("Bên ký kết thứ nhất") thực hiện thanh toán khoản đền bù liên quan đến khoản đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia ("Bên ký kết thứ hai"), thì Bên ký kết thứ hai phải công nhận:
 - a) Việc chuyển nhượng toàn bộ các quyền và yêu cầu của bên được đền bù cho Bên ký kết thứ nhất theo luật pháp hoặc theo giao dịch hợp pháp, và
 - b) Bên ký kết thứ nhất có quyền thực hiện các quyền đó và thực thi các yêu cầu có được từ việc thế quyền trong chừng mực giống như bên được đền bù.
- 2) Bên ký kết thứ nhất trong mọi trường hợp có quyền:

a) Được hưởng sự đối xử tương đương về các quyền và yêu cầu mà bên đó có được từ việc chuyển nhượng, và

b) Được hưởng bất kỳ khoản thanh toán nào nhận được trong việc thực hiện các quyền và yêu cầu đó,

Như bên được đền bù được quyền nhận theo hiệp định này liên quan tới khoản đầu tư đó và thu nhập có liên quan.

3) Bất kỳ khoản thanh toán nào mà Bên ký kết thứ nhất nhận được bằng đồng tiền không chuyển đổi trong khi thực hiện các quyền và yêu cầu mà Bên ký kết thứ nhất được hưởng, phải được chi trả đầy đủ cho Bên ký kết đó để thanh toán chi phí phát sinh trên lãnh thổ của Bên ký kết thứ hai.

Điều 11

Áp dụng các quy tắc khác

Ngoài Hiệp định này, nếu các quy định của pháp luật một trong hai Bên ký kết hoặc các nghĩa vụ theo luật pháp quốc tế đang có hiệu lực hoặc được thiết lập sau này giữa các Bên ký kết chứa đựng các nguyên tắc, cho dù chung hoặc cụ thể, dành cho khoản đầu tư của các công dân hoặc Công ty thuộc Bên ký kết kia sự đối xử thuận lợi hơn so với quy định trong hiệp định này, thì các nguyên tắc đó sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự thuận lợi hơn.

Điều 12

Mở rộng lãnh thổ

Tại thời điểm ký kết Hiệp định này hoặc vào bất cứ thời điểm nào sau đó, các quy định của Hiệp định này có thể được mở rộng sang các lãnh thổ mà Chính phủ Vương quốc Anh và Bắc Ireland chịu trách nhiệm về các quan hệ quốc tế khi có sự đồng ý giữa các Bên ký kết trong một Công hàm.

Điều 13

Thời điểm có hiệu lực

Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 14

Thời hạn và kết thúc

Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn mười năm. Sau đó Hiệp định sẽ tiếp tục còn hiệu lực cho tới khi kết thúc mười hai tháng kể từ ngày mà một trong hai Bên ký kết gửi thông báo chấm dứt bằng văn bản cho Bên ký kết kia. Với điều kiện là đối với các khoản đầu tư được thực hiện trong khi Hiệp định này còn hiệu lực, thì các quy định của Hiệp định này sẽ tiếp tục còn hiệu lực đối với các khoản đầu tư đó trong thời hạn hai mươi năm sau ngày chấm dứt và không làm phương hại đến việc áp dụng sau đó các quy tắc chung của luật pháp quốc tế.

Hiệp định này được ký tắt tại Hà Nội ngày 1 tháng 7 năm 2002.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được uỷ quyền hợp pháp của Chính phủ mỗi bên đã ký kết Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành 2 bản tại Hà Nội ngày 1 tháng 8 năm 2002, bằng tiếng Việt và tiếng Anh, cả hai bản có hiệu lực như nhau.

Phụ lục : Hiệp định liên quan đến điều 3 (3)

Những ngoại lệ về việc áp dụng đối xử quốc gia đối với các khoản đầu tư và thu nhập của công dân và Công ty Vương quốc Anh và Bắc Ireland.

1- Các lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản, các sản phẩm phim, ảnh; dịch vụ nhập khẩu và phân phối; dịch vụ viễn thông; dịch vụ vận tải hàng hoá và khách hàng bằng đường biển; dịch vụ du lịch; dịch vụ Ngân hàng; dịch vụ bảo hiểm; khai thác dầu khí; thủy sản.

2- Các vấn đề:

2.1- Sở hữu, sử dụng đất đai và nhà ở.

2.2- Trợ cấp và hỗ trợ của Chính phủ dành cho doanh nghiệp trong nước.

2.3- Giá, phí một số hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước quản lý:

a) Kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, Chính phủ Việt Nam: (i) không áp đặt các loại giá, phí mang tính phân biệt đối xử mới hoặc nặng hơn; và (ii) xoá bỏ các giá và phí mang tính phân biệt đối xử cho việc lắp đặt điện thoại, dịch vụ viễn thông (trừ giá thuê bao điện thoại nội hạt), nước và các dịch vụ du lịch;

b) Trong vòng hai (02) năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, Chính phủ Việt Nam từng bước xoá bỏ các giá và phí mang tính phân biệt đối xử cho việc đăng ký xe có động cơ, phí cảng quốc tế và cước thuê bao điện thoại nội hạt; và

c) Trong vòng bốn (04) năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, Chính phủ Việt Nam từng bước xoá bỏ các giá và phí mang tính phân biệt đối xử cho tất cả các hàng hoá và dịch vụ khác, bao gồm nhưng không hạn chế, giá điện và vận tải hàng không.

3- Chính phủ Việt Nam có thể loại bỏ bất kỳ ngoại lệ nào tại đoạn 1 và đoạn 2 của phụ lục này bằng văn bản thông báo cho Chính phủ Vương quốc Anh và Bắc Ireland.